CÔNG TY CỔ PHẦN TV-TM-DV ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN ***HOANG QUAN CONSULTING – TRADING – SERVICE REAL ESTATE CORPORATION*** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness** ---
Số:151/2025/CV-HQC *No.:151/2025/CV-HQC*	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025* *Ho Chi Minh City, 30th July, 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM	***DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION HOCHIMINH STOCK EXCHANGE***

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.**

To: - ***The State Securities Commission;***
- ***Hochiminh Stock Exchange.***

1. Tên tổ chức/ *Name of organization:* Công ty cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân / *Hoang Quan Consulting – Trading – Service – Real Estate Corporation*
- Mã chứng khoán/ Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:*HQC
- Địa chỉ/*Address:*15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP.HCM / *15 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, HCMC*
- Điện thoại liên hệ/*Tel:* 028-5411 7348
- E-mail: qhndt@hoangquan.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Ngày 30/7/2025, Công ty cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2025 và Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ.

On July 30th, 2025, Hoang Quan Consulting - Trading - Service Real Estate Corporation announced the Audited Consolidated Financial Statement Quarter 2 of 2025 and the explanation for the difference in profit compared to the same period last year.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/7/2025 tại đường dẫn http://hoangquan.com.vn/ *This information was published on the company's website on July 30th, 2025, as in the link http://hoangquan.com.vn.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trpên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2025/ *The Consolidated Financial Statement of Quarter II of 2025.*
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận/ *The explanation for the difference in profits compared to the same period*

Đại diện tổ chức/ *Organization representative*
Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information

M.S.D.N: 0302087938 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN - QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH

LS. Đoàn Văn Chính

CÔNG TY CP TV – TM – DV ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
MST: 0302087938

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 0302087938
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-07-30 20:53:23
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**6.043.578.444.529**	**6.675.961.961.080**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**32.755.341.159**	**42.062.167.302**
Tiền	111		32.755.341.159	42.062.167.302
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.524.517.409.414**	**5.236.577.964.799**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.162.486.513.382	1.463.073.170.861
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.879.866.321.220	2.034.129.271.275
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4.1	100.127.954.825	116.734.284.161
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.420.808.484.275	1.666.460.529.577
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(39.977.856.635)	(45.673.403.422)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	1.205.992.347	1.854.112.347
Hàng tồn kho	**140**	5.8	**1.428.390.042.906**	**1.347.463.210.302**
Hàng tồn kho	141		1.428.390.042.906	1.347.463.210.302
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**57.915.651.050**	**49.858.618.677**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	420.000.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.495.651.050	48.133.973.321
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	-	1.724.645.356
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.832.281.120.888**	**3.426.004.573.043**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.480.065.819.101**	**1.073.454.949.401**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4.2	11.663.839.401	11.597.139.401
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	1.468.401.979.700	1.061.857.810.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	**220**		**1.727.854.108**	**1.939.109.680**
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.503.567.827	1.649.925.401
Nguyên giá	222		17.964.836.237	17.964.836.237
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.461.268.410)	(16.314.910.836)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	224.286.281	289.184.279
Nguyên giá	228		1.468.463.000	1.468.463.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.244.176.719)	(1.179.278.721)
Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.551.551.919**	**1.551.551.919**
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.551.551.919	1.551.551.919
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	5.13	**2.346.518.311.244**	**2.346.363.621.339**
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.345.438.311.244	2.345.283.621.339
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.188.880.000	3.188.880.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.108.880.000)	(2.108.880.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.417.584.516**	**2.695.340.704**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	2.191.280.971	2.469.037.159
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		226.303.545	226.303.545
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**9.875.859.565.417**	**10.101.966.534.123**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.472.233.737.788**	**4.708.316.479.555**
Nợ ngắn hạn	**310**		**2.950.449.876.872**	**3.206.261.743.364**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14.1	177.635.548.673	178.248.426.730
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	766.646.496.469	763.223.896.344
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	78.012.832.995	141.248.252.415
Phải trả người lao động	314		7.244.985.985	6.003.189.237
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	445.527.762.882	521.040.233.432
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	896.670.907.881	979.552.129.309
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	575.806.448.045	614.124.963.655
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.904.893.942	2.820.652.242
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	**330**		**1.521.783.860.916**	**1.502.054.736.191**
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		104.696.497.494	107.779.284.884
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	263.590.015.461	264.185.015.461
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	1.153.497.347.961	1.130.090.435.846
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**5.403.625.827.629**	**5.393.650.054.568**
Vốn chủ sở hữu	**410**	5.20	**5.403.625.827.629**	**5.393.650.054.568**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.766.000.000.000	5.766.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		*5.766.000.000.000*	*5.766.000.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(462.203.741.892)	(462.203.741.892)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(7.260.000)	(7.260.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.778.085.861	6.581.521.895
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.977.308.213	63.204.785.459
LNST chưa phân phối năm trước	421a		*62.923.979.793*	*29.456.963.025*
LNST chưa phân phối năm nay	421b		*10.053.328.420*	*33.747.822.434*
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20.081.435.447	20.074.749.106
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**9.875.859.565.417**	**10.101.966.534.123**

M.S.D.N: 0302087938 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN ★ QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN LONG TRIỀU
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI	
			Quý 2/2025	Qúy 2/2024	Từ 01/01/2025 Đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 Đến 30/06/2024
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**22,011,081,171**	**320,971,668,534**	**94,858,456,160**	**361,548,606,821**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		32,845,965,843	315,938,160,773	56,763,212,397	325,118,844,849
Doanh thu thuần	**10**	6.1	**(10,834,884,672)**	**5,033,507,761**	**38,095,243,763**	**36,429,761,972**
Giá vốn hàng bán	**11**	6.2	7,083,824,527	(47,501,975,343)	33,052,585,034	(20,327,543,753)
Lợi nhuận gộp	**20**		**(17,918,709,199)**	**52,535,483,104**	**5,042,658,729**	**56,757,305,725**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	28,780,737,290	18,385,404,212	50,871,940,321	30,771,088,761
Chi phí tài chính	22	6.4	37,185,868,872	35,667,586,068	55,558,763,305	60,420,866,904
Trong đó: chi phí lãi vay	23		*37,164,136,310*	35,637,766,502	55,537,030,743	40,124,911,125
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		21,791,086	95,150,727	154,689,905	178,339,810
Chi phí bán hàng	25	6.5	1,592,923,989	1,194,028,503	2,270,520,210	2,245,270,210
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3,703,164,828	24,103,995,534	24,713,480,981	15,203,165,423
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(31,598,138,512)**	**10,050,427,938**	**(26,473,475,541)**	**9,837,431,759**
Thu nhập khác	31	6.7	38,684,982,510	22,600,990,930	42,429,072,648	9,538,662,853
Chi phí khác	32	6.8	855,243,897	19,298,992,689	3,306,143,899	388,804,152
Lợi nhuận khác	**40**		**37,829,738,613**	**3,301,998,241**	**39,122,928,749**	**9,149,858,701**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**6,231,600,101**	**13,352,426,179**	**12,649,453,208**	**18,987,290,460**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,332,447,589	2,747,174,818	2,589,438,447	2,163,131,282
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	1,360,585,001
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**4,899,152,512**	**10,605,251,361**	**10,060,014,761**	**15,463,574,177**
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4,896,878,846	10,602,922,850	10,053,328,420	15,452,335,801
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,273,666	2,328,511	6,686,341	11,238,376
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	8	18	17	27

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN LONG TRIỀU
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 Đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 Đến 30/06/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**12.649.453.208**	**18.987.290.460**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		211.255.572	330.238.893
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(5.695.546.787)	
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		-	
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(154.689.905)	(28.772.194.416)
Chi phí lãi vay	06		55.537.030.743	40.124.911.125
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		***62.547.502.831***	***30.670.246.062***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		286.968.570.763	(1.132.653.253.472)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(80.926.832.604)	69.843.570.892
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(223.979.527.961)	102.316.466.025
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(142.243.812)	(698.389.797)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
Tiền lãi vay đã trả	14		(54.017.346.580)	(50.086.570.962)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.16	(1.384.974.621)	(69.484.111.809)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(10.934.851.984)**	**(1.050.092.043.061)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-	
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(539.440.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.773.563.574)	(41.397.021.155)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		26.313.192.910	38.824.681.960
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(392.306.581.857)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	24.036.545.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**16.539.629.336**	**(371.381.815.656)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-	
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.000.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	43.877.824.015	455.450.378.771
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(58.789.427.510)	(17.284.085.096)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(14.911.603.495)**	**1.438.166.293.675**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**		**(9.306.826.143)**	**16.692.434.958**
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	**60**		**42.062.167.302**	**28.130.342.211**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Điều chỉnh ảnh hưởng số dư đầu năm				-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	**70**	5.1	**32.755.341.159**	**44.822.777.169**

M.S.D.N: 0302087938 C.T.C.P. CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN LONG TRIỀU
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân ("Công ty mẹ") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302087938, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 38 ngày 17 tháng 06 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty mẹ có mã chứng khoán là HQC được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số: 218/QĐ-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: HQC
- Mệnh giá: 10.000 VND/ cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 576.600.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 5.766.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty mẹ được đặt tại 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là từ 02 đến 03 năm, tuỳ theo thời gian hoàn thành đối với các công trình xây dựng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Phố Vàng	Số 90 Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh bất động sản	98,04%	98,04%	98,04%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	46 Thoại Ngọc Hầu, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	40%	40%	40%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	27 – 28 Võ Nguyên Giáp, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	39%	39%	39%

Ngoài ra, Công ty mẹ còn có các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	353 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	99 liên tỉnh lộ 25B, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	55C Cây Keo, Khu phố 1, Phường Tam Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	T6 tòa nhà Võ Đình (tầng trệt), Đường TA 14, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	286 (Số Cũ 218 bis) Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	47C/2 Ấp 3, Xã An Phú Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	339 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân – Cơ sở đào tạo dạy nghề Hoàng Quân	270 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân – Trung tâm giao dịch bất động sản Hoàng Quân	272 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Hóc Môn, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân – Trung tâm giao dịch bất động sản Hoàng Quân	15E Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	159A Phan Đăng Lưu, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	C15-16 Khu nhà ở Nam Hiệp Thành, Đường Trường Chinh, Thị Trấn Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 219A Ngô Quyền, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk,

Tên đơn vị	Địa chỉ
	Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Lô A2 19-20 Khu nhà ở chuyên gia, công nhân và dịch vụ Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Chi nhánh Tây Ninh, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 90, Nguyễn Thái Học, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Tiền Giang, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Tầng trệt nhà ở xã hội HQC Tân Hương, Ấp Tân Phú, Xã Tân Hương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
- Chi nhánh Trà Vinh, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 50 Đường Chu Văn An, Ấp Long Bình, Phường 4, Thành Phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Nha Trang, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 46 Thoại Ngọc Hầu, Phường Vĩnh Hòa, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 có thể so sánh được với các thông tin tài chính tương ứng được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 128 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 128 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.
Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay

đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:
- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí thực hiện các dự án.
- Thành phẩm bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.
Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.14 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tập đoàn chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

+ Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
+ Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.
Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:
- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Phố Vàng	Công ty con (từ ngày 06/03/2024)
Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria Service	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Đông Dương	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương Land	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Trương Gia	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thiên Phát	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Hoàng Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hoàng Quân Land	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Simon Land	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Simon	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Dịch vụ Peace	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Phục Sinh	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Quản lý Bất động sản CPG	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hùng Cường Phan Thiết	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Ngọc Kỳ Lân Ninh Thuận	Chung thành viên chủ chốt (từ ngày 14/03/2024)

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Nhà Việt	Chung thành viên chủ chốt (từ ngày 01/06/2024)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt tồn quỹ	19.899.562.971	10.343.740.553
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.855.778.188	31.718.426.749
	32.755.341.159	**42.062.167.302**

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu bên liên quan – dự án bất động sản		
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	415.116.549.286	378.159.003.456
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	-	214.949.161.549
Công ty Cổ phần Đầu tư Simon	198.476.159.038	198.476.159.038
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	95.811.480.000	112.401.480.000
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	49.971.390	28.117.676.959
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	14.737.017.171	26.370.109.770
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	2.780.633.198	10.243.988.433
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương	-	1.150.268.956
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc	20.590.593	20.590.593
Ông Trương Nguyễn Hoàng Quân	-	5.282.400.000
Bà Trương Nguyễn Song Vân	-	907.485.918
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Bất động sản Trà Vinh	67.490.000.000	82.390.000.000
Các khách hàng khác	368.004.112.706	404.604.846.189
	1.162.486.513.382	**1.463.073.170.861**

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước người bán bên liên quan		
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo	136.902.143.264	145.855.887.317
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo - chi nhánh Trà Vinh	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	20.362.408.645	20.362.408.645
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc	24.434.960.260	23.706.227.260
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	-	5.533.007.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	-	2.881.738.565
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minl	2.535.503.353	2.526.503.353
Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương Land	1.525.597.652	1.525.597.652
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	418.543.442	1.331.643.442
Công ty TNHH Quản Lý Bất Động Sản Victoria	39.093.869.924	39.093.869.924

Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria Service	501.675.185	1.298.379.185
Công ty Cổ phần Đầu tư Quản lý Bất Động Sản CPG	644.682.593	644.682.593
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bất động sản Đông Dương	14.793.211.418	14.793.211.418
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng VDC	-	609.956.650
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	59.780.000	59.780.000
Các nhà cung cấp khác	1.638.393.945.484	1.773.706.377.671
	1.879.866.321.220	**2.034.129.271.275**

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc (1)	26.303.595.275	26.292.595.275
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria (2)	-	17.872.839.697
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo (3)	17.376.519.842	17.197.483.371
Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang (5)	13.983.218.865	13.983.218.865
Công ty Cổ phần Đầu tư Simon (6)	1.902.263.657	1.783.869.305
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	1.710.990.000	1.710.990.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quản lý Bất động sản CPG	3.191.835.059	991.835.059
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	14.175.000	14.175.000
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	38.488.218	38.488.218
Công ty TNHH MTV Nông Nghiệp Hoàng Quân	25.860.000	25.860.000
Công ty CP Đầu Tư BĐS Hoàng Quân Land	1.176.895.312	-
Công ty TNHH Đầu tư Simon Land	7.500.000	7.500.000
Ông Nguyễn Văn Thái	*567.700.000*	484.600.000
Ông Nguyễn Thành Văn	*480.795.000*	408.265.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Đầu tư Việt Phương Nam (4)	14.230.624.937	14.230.624.937
Công ty Cổ phần Xây dựng & Đô thị Tây Ninh (7)	385.757.537	385.757.537
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	79.240.000	79.240.000
Công ty Cổ phần Y khoa Vietmed	2.570.000	2.570.000
Các tổ chức và cá nhân khác	18.649.926.123	21.224.371.897
	100.127.954.825	**116.734.284.161**

Thông tin các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

(1) Cho Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc vay tiền theo hợp đồng số 35/HĐMT-HQ.VKT.23 ngày 02/01/2023, và phụ lục hợp đồng số 01-35/HĐMT-HQ.VKT.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm.

(2) Cho Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria vay theo hợp đồng số 48/HĐMT-HQ.VIC.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

(3) Cho Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo vay theo hợp đồng số 03/HĐMT-HQ.GB.23 ngày 02/01/2023, và phụ lục hợp đồng số: 01 – 03/HĐMT-HQ.GB.23 ngày 02/01/2024 thời hạn là 12 tháng với lãi suất 0%/năm.

(4) Cho Công ty TNHH Đầu tư Việt Phương Nam vay tiền theo hợp đồng số: 26/HĐMT-HQ.VPN.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng, lãi suất là 0%/năm.

(5) Cho Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang vay tiền theo hợp đồng số: 04/HĐMT-HQ.NT/23 ngày 02/01/2023 và phụ lục hợp đồng số: 01 – 04/HĐMT-HQ.NT.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm.

(6) Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Simon vay tiền theo hợp đồng số: 31/HĐMT-HQ.SIMON.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất 0%/năm tính từ ngày nhận tiền.

(7) Cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh vay tiền theo hợp đồng số 02/HĐMT-HQ.TN.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm tính từ ngày nhận tiền.

5.4.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Các bên liên quan - mượn tiền		
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (1)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân (2)	1.393.929.401	1.393.929.401
Các đối tượng khác		
	269.910.000	203.210.000
	11.663.839.401	**11.597.139.401**

(1) Công ty Cổ phần TV - TM - DV Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông theo hợp đồng số: 10/HĐMT/TN-HQMK.2023 ngày 13/10/2023 và phụ lục 01 ngày 02/01/2024 thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2025, lãi suất 12%/năm.

(2) Khoản tiền cho Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân vay theo hợp đồng số 02/2022/HĐMT-HQC ngày 02/08/2022, thời hạn từ ngày 02/08/2022 đến ngày 02/08/2025.

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (1)	259.019.300.000	-	259.019.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương (2)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ (3)	-	-	179.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương (4)	84.345.410.450	-	84.345.410.450	-
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria – hợp tác đầu tư	35.462.354.032	-	38.059.514.335	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (5)				
– Lãi hợp tác kinh doanh	548.375.455.987	-	548.975.455.987	-
– Lãi tiền vay	24.171.802.367	-	15.490.036.410	-
– Lãi tiền mượn	-	-	1.463.013.699	-
Bà Trương Nguyễn Song Vân – tạm ứng	255.610.471	-	443.084.553	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân – lãi phải thu	111.330.758	-	111.330.758	-
Công ty TNHH Đầu tư Simon Land	143.305.994.010	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Hoàng Quân	75.690.241.608	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ Hướng Dương Xanh				
– Hợp tác kinh doanh (8)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
– Lãi tiền vay	562.808.219	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.450.000.000	-	7.824.106.000	-
Tạm ứng	5.505.062.286	(1.115.679.367)	16.213.163.643	(3.890.294.729)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.553.114.087	(509.944.310)	290.016.113.742	(509.944.310)
	1.420.808.484.275	**(1.625.623.677)**	**1.666.460.529.577**	**(4.400.239.039)**

(1) Tập đoàn góp vốn theo hợp đồng hợp tác số 213/HQMK.HQ-HĐHT ngày 01/06/2015, thời hạn 10 năm, với Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội Khu công nghiệp Bình Minh tại Xã Mỹ Hoà, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long. Phân chia lợi nhuận vào cuối năm tài chính, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, hai bên sẽ thỏa thuận chia theo tỷ lệ góp vốn hoặc giữ lại để tiếp tục thực hiện dự án. Hiện tại dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Thời hạn dự án kết thúc vào ngày 31/05/2025.

Là khoản tiền hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 1209/2023/HĐHTKD/TPV-HQMK ngày 12/09/2023, thời hạn hợp tác 24 tháng. Mục đích sử dụng nguồn tiền để kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký doanh nghiệp và chức năng khác mà pháp luật không cấm. Lợi nhuận được chia theo thỏa thuận của các bên nhưng không thấp hơn 10,5%/năm.

(2) Tập đoàn góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bất động sản Đông Dương theo hợp đồng số 01/2014/HĐHTĐT-HQĐD ngày 22/09/2014, để thực hiện dự án toà nhà Royal Tower tại Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn 10 năm, lãi suất cố định là 12%/năm. Hiện tại dự án đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng trong năm 2024. Thời hạn kết thúc dự án: 21/09/2025.

(3) Tập đoàn góp vốn theo hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ theo hợp đồng số 01/HĐHT-14 ngày 15/02/2014 và 02/HĐHT-14 ngày 26/12/2014, thời hạn 10 năm, thực hiện các dự án: Dự án khu dân cư Trường Thạnh (7 ha) và Khu nhà ở xã hội (10,74 ha) tại Thành phố Cần Thơ; Dự án Trường đại học Đồng bằng Sông Cửu Long; dự án 44 căn nhà liên kế tại lô số 11A thuộc khu Đô thị mới nam sông Cần Thơ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Phân chia lợi nhuận vào cuối năm tài chính, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước, hai bên sẽ thỏa thuận chia theo tỷ lệ góp vốn hoặc giữ lại để tiếp tục thực hiện dự án. Hiện tại dự án đang trong giai đoạn triển khai, xây dựng. Thời hạn kết thúc dự án: 25/12/2025.

(4) Là khoản tiền mượn đền bù quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương theo hợp đồng mượn tiền số: 37/HĐMT-HQ.DD.23 ký ngày 02/01/2023 và phụ lục gia hạn số 01-37/HĐMT-HQ.DD.23 ký ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng (từ ngày 02/01/2024).

(5) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với công ty theo hợp đồng số 1209/2023/HĐHTKD/TPV-HQMK ngày 12/09/2023, thời hạn hợp tác 24 tháng. Mục đích sử dụng nguồn tiền để kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký doanh nghiệp và chức năng khác mà pháp luật không cấm. Lợi nhuận được chia theo thỏa thuận của các bên nhưng không thấp hơn 10,5%/năm.

(6) Khoản phải thu khác của Bà Nguyễn Thị Như Hiền về số tiền ứng trước để mua lại cổ phần tại Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria. Sau đó Tập đoàn đã không tiếp tục mua cổ phần này và làm biên bản thanh lý số: 01/2021/BBTL ngày 31/12/2021. Theo biên bản thanh lý này thì bên bán (bà Nguyễn Thị Như Hiền) phải hoàn trả lại số tiền đã nhận từ Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân là 145.000.000.000 VND, theo thời hạn từ ngày ký biên bản thanh lý đến hết quý 3/2022, hai đã bên thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 02/01/2025.

(7) Khoản phải thu khác của Bà Nguyễn Trần Diễm Trang về số tiền ứng trước để mua lại cổ phần tại Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria. Sau đó Tập đoàn đã không tiếp tục mua cổ phần này và làm biên bản thanh lý số 02/2021/BBTL ngày 31/12/2021. Theo biên bản thanh lý này thì bên bán (bà Nguyễn Trần Diễm Trang) phải hoàn trả lại số tiền đã nhận từ Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Hoàng Quân là 123.997.965.970 VND, theo thời hạn từ ngày ký biên bản thanh lý đến hết quý 3/2022 hai đã bên thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 02/01/2025.

(8) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 02/2023/HĐHTKD/TPV-HDX ngày 31/10/2023, thời hạn hợp tác 24 tháng. Mục đích sử dụng nguồn tiền để kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký doanh nghiệp và chức năng khác mà pháp luật không cấm. Lợi nhuận được chia theo thỏa thuận của các bên nhưng không thấp hơn 12,45%/năm.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh (1)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh (1)	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng - Phát triển Nhà Bảo Linh - hợp tác kinh doanh (2)	376.133.493.151	-	364.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương	-	-	-	-
Quỹ phát triển nhà ở TP.Hồ Chí Minh – góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	36.781.365.000	-	36.781.365.000	-
Công Ty CP TM DV Giải Trí Bình Minh	394.449.161.549	-	-	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	11.037.960.000	-	11.076.445.000	-
	1.468.401.979.700	**-**	**1.061.857.810.000**	**-**

(1) Tập đoàn góp vốn theo hợp đồng hợp tác số 15/2016/HĐHT ngày 15/03/2016 với Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh, thời hạn 09 năm, thực hiện các dự án: Dự án khai thác đầu tư và xây dựng Cảng Bình Minh – Vĩnh Long; Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh công trình Cảng Bình Minh (gồm cầu cảng, hạ tầng, kho bãi) tại dự án Khu công nghiệp Bình Minh, Xã Mỹ Hoà, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long; và thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh vào ngày 30 tháng 08 năm 2019, tại địa chỉ: lô B5 KDC Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long. Vào cuối năm tài chính, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, hai bên sẽ thỏa thuận chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn hoặc giữ lại để tiếp tục thực hiện dự án. Hiện tại dự án đang trong giai đoạn xây dựng, chưa ghi nhận doanh thu.

(2) Tập đoàn góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng – Phát triển nhà Bảo Linh theo hợp đồng số 01/2024/HĐHTKD/HQC-BL ngày 05/01/2024 và hợp đồng số 02/2024/HĐHTKD/HQC-BL ngày 22/01/2024. Tập đoàn sử dụng Khoản hợp tác nhận được để thực hiện bổ sung vốn kinh doanh như ngành nghề đã đăng ký và chia sẻ lợi nhuận có được từ việc hợp tác kinh doanh, thời hạn 24 tháng (tính trên từng lần góp vốn).

5.6 Nợ xấu

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
Các khoản tạm ứng	1.115.679.367	-	3.890.294.729	-
Các khoản cho vay	8.905.696.464	-	11.526.105.192	-
Các khoản phải thu thương mại	82.747.500		82.747.500	
Các khoản phải thu khác	509.944.310	-	509.944.310	-
Các khoản trả trước người bán	27.509.676.647	-	27.810.199.344	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.854.112.347	-	1.854.112.347	-
	39.977.856.635	**-**	**45.673.403.422**	**-**

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyễn Thiên Vũ – phải thu từ	621.983.192	(621.983.192)	621.983.192	(621.983.192)

dự án HQC Plaza				
Tiền thiếu từ các sàn giao dịch đã ngừng hoạt động	86.136.801	(86.136.801)	86.136.801	(86.136.801)
Các khoản trả trước	497.872.354	(497.872.354)	1.145.992.354	(1.145.992.354)
	1.205.992.347	**(1.205.992.347)**	**1.854.112.347**	**(1.854.112.347)**

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)	1.321.383.452.395	-	1.223.730.891.843	-
Hàng hoá bất động sản (2)	107.004.123.239	-	123.729.851.187	-
Hàng hoá khác	2.467.272	-	2.467.272	-
	1.428.390.042.906	**-**	**1.347.463.210.302**	**-**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Chung cư nhà ở xã hội TP. Vàng	973.707.469.459	907.864.686.634
Chung cư Hoàng Quân Plaza (*)	145.106.965.437	146.145.928.760
Dự án HQC Tân Hương	62.101.576.210	59.230.496.081
Dự án TTTM & CC cao tầng Hóc Môn	40.410.167.258	37.201.877.443
Dự án HQC Hồ Học Lãm	17.823.359.118	17.823.359.118
Dự án Châu Pha Bà Rịa Vũng Tàu	13.150.313.973	13.150.313.973
KDC Phường Phú Hữu, Quận 9	-	9.537.087.189
Dự án 198 ha – Bình Thuận (065G)	8.195.158.604	8.195.158.604
Dự án Khu Gia Đình A	8.085.503.943	8.085.503.943
Khu nhà ở P. Phú Lợi, Q.7 – Hai Thành	1.664.734.364	2.605.199.818
Dự án Bà Rịa – Vũng Tàu (SD ở Chi nhánh Vũng tàu)	2.447.562.852	2.447.562.852
Dự án NOXH Trà Vinh	43.239.700.226	2.169.648.739
Dự án đất nền Bình Trưng Đông	-	1.486.909.091
Dự án HQC Nha Trang	2.080.436.603	1.408.704.707
Dự án Tam Bình	265.469.283	1.305.469.283
Dự án Phú Thuận	-	1.174.545.455
Dự án Cheery 2	1.135.278.083	1.135.278.083
Dự án Gia Hòa	-	1.071.654.547
Biệt thự Vũng Tàu	859.614.334	859.614.334
Khu dân cư Dương Đình Hội	783.301.189	783.301.189
Dự án Bình Trưng Đông	108.594.978	-
Dự Án khu đô thị dịch vụ cụm công nghiệp Tân An	144.921.148	-
Thạnh Mỹ Lợi Quận 2 - Hiệp Lực (Cheery 1)	24.733.333	-
Dự án HQC Tây Ninh	48.592.000	48.592.000
	1.321.383.452.395	**1.223.730.891.843**
2. Hàng hoá bất động sản		
Dự án Cheery	77.745.700.286	77.745.700.286
Khu dân cư Phường Phú Hữu, TP.Thủ Đức – Thành Phố Xanh	-	3.948.000.000
Khu nhà ở Phường Phú Lợi, Quận 7 – Hai Thành	3.019.302.192	3.019.302.192
Công trình thi công KDC Bình Minh	18.241.590.156	28.405.607.323
KDC Phường Phú Hữu, TP.Thủ Đức – Mê kông	7.997.530.605	10.611.241.386
Hàng hoá bất động sản khác	2.467.272	2.467.272
	107.006.590.511	**123.732.318.459**

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí trả trước khác	420.000.000	-
	420.000.000	**-**

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ, dụng cụ	458.780.971	736.537.159
Chi phí bảo hiểm	1.732.500.000	1.732.500.000
	2.191.280.971	**2.469.037.159**

5.10 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2025	3.370.551.063	13.065.366.958	1.528.918.216	17.964.836.237
Tại ngày 30/06/2025	**3.370.551.063**	**13.065.366.958**	**1.528.918.216**	**17.964.836.237**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2025	**1.895.934.870**	**12.933.167.126**	**1.485.808.840**	**16.314.910.836**
Khấu hao trong năm	84.263.772	52.879.944	9.213.858	**146.357.574**
Tại ngày 30/06/2025	**1.980.198.642**	**12.986.047.073**	**1.495.022.695**	**16.461.268.410**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2025	1.474.616.193	132.199.832	43.109.376	1.649.925.401
Tại ngày 30/6/2025	**1.390.352.421**	**79.319.885**	**33.895.521**	**1.503.567.827**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 13.817.348.601 VNĐ.

5.11 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2025	1.468.463.000	1.468.463.000
Tại ngày 30/06/2025	**1.468.463.000**	**1.468.463.000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	**1.179.278.721**	**1.179.278.721**
Khấu hao trong năm	64.897.998	64.897.998
Tại ngày 30/06/2025	**1.244.176.719**	**1.244.176.719**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	289.184.279	289.184.279
Tại ngày 30/06/2025	**224.286.281**	**224.286.281**

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2025	Phát sinh trong năm	30/06/2025
	VND	VND	VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng chi nhánh Cần Thơ	160.260.067	-	160.260.067
Chi phí lắp đặt thang máy văn phòng 286-288 Huỳnh Văn Bánh	851.851.852	-	851.851.852
Hệ thống quản trị hiệu quả công việc KPIs	539.440.000	-	539.440.000
	1.551.551.919	**-**	**1.551.551.919**

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn gồm đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác.

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết (1)	2.345.438.311.244	2.345.283.621.339
Đầu tư dài hạn khác (2)	3.188.880.000	3.188.880.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.108.880.000)	(2.108.880.000)
	2.346.518.311.244	**2.346.363.621.339**

(1) Đầu tư vào công ty liên kết:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	48.000.000.000	20.405.512.642	48.000.000.000	20.536.628.390
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ (*)	2.320.000.000.000	2.325.032.798.602	2.320.000.000.000	2.324.746.992.94
	2.368.000.000.000	**2.345.438.311.244**	**2.368.000.000.000**	**2.345.283.621.33**

- Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ với giá gốc là 2.320.000.000.000 VND, chiếm 39% vốn điều lệ.
- Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang với giá gốc 48.000.000.000 VND, chiếm 40% vốn điều lệ.

(*) Trong giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 1.899.753.356.279 VND là giá trị lợi thế thương mại. Công ty không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này cho đến ngày trở thành công ty con.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

(2) Đầu tư dài hạn khác:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nghiệp trẻ Việt Nam	2.108.880.000	(2.108.880.000)	2.108.880.000	(2.108.880.000)
Công ty Cổ phần Chứng	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
khoán KIS Việt Nam				
	3.188.880.000	**(2.108.880.000)**	**3.188.880.000**	**(2.108.880.000)**

- Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nghiệp trẻ Việt Nam. Công ty này đã ngừng hoạt động và đã được trích lập dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư.
- Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam với giá trị 1.080.000.000 VND.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	30/06/2025 VND
Tại ngày đầu năm	(2.108.880.000)
Trích lập dự phòng trong năm	-
Tại ngày cuối năm	**(2.108.880.000)**

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

5.14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2025	
	Giá trị	**Số có khả năng trả nợ**	**Giá trị**	**Số có khả năng trả nợ**
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	42.497.979.870	42.497.979.870	42.443.510.217	42.443.510.217
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	4.144.594.444	4.144.594.444	3.922.693.874	3.922.693.874
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria Service	1.240.692.853	1.240.692.853	1.345.224.236	1.345.224.236
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	-	-	1.065.679.897	1.065.679.897
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc tại Cần Thơ	686.640.000	686.640.000	686.640.000	686.640.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân – Siêu thị HQC	160.198.500	160.198.500	160.198.500	160.198.500
Ông Trương Anh Tuấn	17.594.954.469	17.594.954.469	17.594.954.469	17.594.954.469
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	8.981.946.604	8.981.946.604	12.344.346.604	12.344.346.604
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh	46.078.157.885	46.078.157.885	46.078.157.885	46.078.157.885
Các nhà cung cấp khác	56.250.384.048	56.250.384.048	52.607.021.048	52.607.021.048
	177.635.548.673	**177.635.548.673**	**178.248.426.730**	**178.248.426.730**

5.14.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2025 VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (*)	272.326.335.918	272.326.335.918

Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Thái	877.828.143	877.828.143
Ông Nguyễn Thành Văn	770.030.994	770.030.994
Bà Trương Nguyễn Song Vân	-	-
Người mua trả tiền trước khác		
Ông Vũ Trọng Đắc	31.907.040.000	31.907.040.000
Bà Đặng Thị Phương Dung	16.234.259.977	16.234.259.977
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân (AMC)	5.009.620.926	5.009.620.926
Các khách hàng khác	439.221.380.511	435.798.780.386
	766.646.496.469	**763.223.896.344**

(*) Đây là khoản trả trước của dự án Khu Công nghiệp Bình Minh Tỉnh Vĩnh Long.

5.16 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	01/01/2025	Số phát sinh trong năm		30/06/2025
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ khấu trừ VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	70.001.178.410	-	(1.752.154.366)	68.249.024.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.985.494.309	2.589.438.447	(1.384.974.621)	9.189.958.135
Thuế thu nhập cá nhân	220.025.564	348.598.063	(279.636.100)	288.987.527
Các loại thuế khác	2.461.055.564	6.382.054	(2.467.437.618)	-
Các khoản phải nộp khác	60.580.498.568	284.863.289	(60.580.498.568)	284.863.289
	141.248.252.415	**3.229.281.853**	**(66.464.701.273)**	**78.012.832.995**

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động nhà ở xã hội là 5%, hoạt động khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Đối với thu nhập từ bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội, Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%.

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí dự án	351.749.128.805	424.984.049.181
Chi phí lãi vay	82.128.300.402	87.117.177.883
Chi phí môi giới	11.406.536.909	8.939.006.368
Chi phí khác	243.796.766	-
	445.527.762.882	**521.040.233.432**

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân - tiền mượn	134.349.074.419	175.336.848.820
Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	133.864.814.708	133.872.282.708
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	40.553.796.301	40.553.796.301
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh	23.689.019.437	23.689.019.437
Công ty Cổ phần Bất động sản Trà Vinh	-	14.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	-	9.479.413.903
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Đông Dương	5.332.641.100	2.262.910.056
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Trương Gia	1.447.323.354	1.447.323.354
Trương Nguyễn Song Vân	-	1.089.960.000
Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương Land	278.000.000	278.000.000
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	-	258.634.927
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận	15.758.208.947	120.000.000
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng VDC	19.997.197.292	19.997.197.292
Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát – hợp tác kinh doanh	212.256.241.875	212.256.241.875
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô		
– hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000
– tiền lãi vay	9.200.000.000	9.200.000.000
Phí bảo trì chung cư phải trả	27.432.673.640	29.468.114.117
Kinh phí công đoàn	1.120.106.420	1.085.526.540
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	861.102.117	429.258.920
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	260.230.708.271	293.527.601.059
	896.670.907.881	**979.552.129.309**

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả bên liên quan		
Ông Trương Anh Tuấn - tiền mượn (*)	231.820.946.043	218.415.946.043
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương - tiền mượn (*)	31.634.759.418	31.634.759.418
Ông Hoàng Minh Đức – mượn tiền (*)	89.310.000	14.089.310.000
Phải trả cá nhân khác		
Ông Phạm Minh Hoàng – đặt cọc thuê hồ bơi	45.000.000	45.000.000
	263.590.015.461	**264.185.015.461**

(*) Đây là các khoản tiền Tập đoàn mượn của các thành viên liên quan để phục vụ sản xuất kinh doanh, có thời hạn 24 tháng, lãi suất 0%.

5.18.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan				
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân (1)	48.476.659.127	48.476.659.127	61.406.642.978	61.406.642.97
Vay ngân hàng				
Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Tp. Hồ Chí Minh – chi nhánh Tp. Thủ Đức - Phòng giao dịch Đông Sài Gòn (2)	780.451.396	780.451.396	4.998.983.155	4.998.983.15
Vay dài hạn đến hạn trả -Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - HD Bank Chi nhánh Cộng Hòa	522.119.337.522	522.119.337.522	547.719.337.522	547.719.337.52
Vay cá nhân				
Nguyễn Thị Điểm (3)	4.280.000.000	4.280.000.000	-	
Phan Lê Thùy Trang (4)	150.000.000	150.000.000	-	
	575.806.448.045	**575.806.448.045**	**614.124.963.655**	**614.124.963.65**

Tình hình tăng, giảm về khoản vay ngắn hạn như sau:

	01/01/2025	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn bên liên quan				
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân (1)	61.406.642.978	1.545.000.000	(14.474.983.851)	48.476.659.127
Vay các đối tượng khác			-	
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh – Chi nhánh TP Thủ Đức – PGD Đông Sài Gòn (2)	4.998.983.155	4.192.824.015	(8.411.355.774)	780.451.396
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Cộng Hòa	547.719.337.522	-	(25.600.000.000)	522.119.337.522
Vay cá nhân				
Nguyễn Thị Điểm (3)	-	4.280.000.000	-	4.280.000.000
Phan Lê Thùy Trang (4)	-	150.000.000	-	150.000.000
	614.124.963.655	**10.167.824.015**	**(48.486.339.625)**	**575.806.448.045**

Thông tin chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

(1) Vay của Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân theo hợp đồng vay tiền số 16/HDVMT-TD-2023 ngày 30 tháng 06 năm 2023 và phụ lục số: 01/PLHĐVMT-TĐ-2023 ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Số tiền vay : 45.506.642.978 VND
Mục đích vay : Hoàn trả tiền theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 215/HĐHTĐT/2018/HQC-HP ngày 29 tháng 05 năm 2018
Thời hạn vay : 12 tháng (từ ngày 31/12/2024 đến ngày 31/12/2025)
Lãi suất : 12%/năm hoặc 0,03%/ngày
Tài sản đảm bảo : Không có
Số dư tại 30/06/2025: 45.506.642.978 VND.

Hợp đồng mượn : 0102/HĐVMT-TĐHQ-TPV-2024 ngày 01/02/2024
Thời hạn vay : 12 tháng
Lãi suất : 12%/năm hoặc 0,03%/ngày
Tài sản đảm bảo : Không có
Số dư tại 30/06/2025: 2.970.016.149 VND

(2) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) theo hợp đồng số: 11668/24/MN/HĐTD ngày 04/04/2024, cùng khế ước nhận nợ số: 11668/24/MN/HĐTD/KUNN02 ngày 11/4/2024; khế ước nhận nợ số: 11668/24/MN/HĐTD/KUNN01 ngày 05/04/2024:

Số tiền vay : 5.000.000.000 VND
Mục đích vay : Bổ sung vốn chi lương cho Cán bộ nhân viên phục vụ hoạt động kinh doanh bất động sản
Thời hạn vay : 03 tháng, theo từng khế ước nhận nợ
Lãi suất : 8,50%/năm (áp dụng lãi suất 0%/năm trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bên nhận nợ được HDBank giải ngân tiền vay)
Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản, nguồn thu của ông Trương Anh Tuấn theo văn bản cam kết bảo lãnh ngày 04/04/2024.
Số dư tại 30/06/2025: 780.451.396VND

(3) Nguyễn Thị Điểm theo hợp đồng số 18.06/2025/HĐMT/TT-HQC, ngày 18 tháng 6 năm 2025.
Số tiền vay: 4.280.000.000 VNĐ
Mục đích vay : kinh doanh
Thời hạn: 12 tháng
Lãi suất: 1%/ tháng
Tài sản đảm bảo: không có
Số dư tại 30/06/2025 : 4.280.000.000 VND

(4) Phan Lê Thùy Trang theo hợp đồng số 19.06/2025/HĐMT/TT-HQC, ngày 18 tháng 6 năm 2025.
Số tiền vay: 150.000.000 VNĐ
Mục đích vay : kinh doanh
Thời hạn: 12 tháng
Lãi suất: 1%/ tháng
Tài sản đảm bảo: không có
Số dư tại 30/06/2025 : 150.000.000 VND

5.19.2 Vay dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô Thị Tây Ninh (1)	6.727.744.087	6.727.744.087	6.587.013.972	6.587.013.972
Bà Lê Phan Thuỳ Trang (2)	650.000.000	650.000.000	650.000.000	650.000.000
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh – Chi nhánh TP. Thủ Đức – PGD Đông Sài Gòn (3)	390.083.981.357	390.083.981.357	376.817.799.357	376.817.799.357
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Cộng Hòa (4)	756.035.622.517	756.035.622.517	1.293.754.960.039	1.293.754.960.039
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	-	-	(547.719.337.522)	(547.719.337.522)
	1.153.497.347.961	**1.153.497.347.961**	**1.130.090.435.846**	**1.130.090.435.846**

Tình hình tăng, giảm về khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2025	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Vay bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh (1)	6.587.013.972	890.000.000	(749.269.885)	6.727.744.087
Bà Phan Lê Thùy Trang (2)	650.000.000	-	-	650.000.000
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh – chi nhánh TP.Thủ Đức - PGD Đông Sài Gòn (3)	376.817.799.357	22.820.000.000	(9.553.818.000)	390.083.981.357
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – chi nhánh Cộng Hòa (4)	746.035.622.517	10.000.000.000	-	756.035.622.517
	1.130.090.435.846	**33.710.000.000**	**(10.303.087.885)**	**1.153.497.347.961**

Thông tin về khoản vay dài hạn như sau:

1. Vay dài hạn Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	:	0201/HĐVMT-PTĐT-TPV-2024 ngày 02/01/2024
Số tiền mượn	:	15.000.000.000 VND
Mục đích mượn	:	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty
Thời hạn mượn	:	36 tháng
Lãi suất	:	Không có lãi suất
Bảo đảm	:	Không có
Số dư tại ngày 30/06/2025	:	6.727.744.087VND

2. Khoản vay dài hạn Bà Phan Lê Thùy Trang theo hợp đồng vay tiền số 01/2022/HĐMT-HQC ngày 01 tháng 07 năm 2022 và phụ lục số: 01-01/2022/HĐVMT-TT-HQC ngày 01/07/2024 được chi tiết như sau:

Số tiền vay: 650.000.000 VND
Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh
Thời hạn vay: 03 năm (từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2027)
Lãi suất: 3,00%/tháng
Tài sản đảm bảo: Không có
Tại ngày 30/06/2025: 650.000.000 VND

3. Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) theo các hợp đồng tín dụng sau:

a. Theo hợp đồng tín dụng số: 1983/24/MN/HĐTD ngày 25/01/2024 và hợp đồng tín dụng số: 5143/24/MN/HĐTD ngày 06/02/2024.

Hạn mức vay: 131.000.000.000 VND
Mục đích vay: Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Nhà Bảo Linh (hoặc được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ).
Thời hạn vay: 24 tháng
Lãi suất vay: 11%/năm
Tài sản đảm bảo:
- Hợp đồng thế chấp dự án số: 4367/24MN/HĐBĐ ngày 06/02/2024. Giá trị tài sản thế chấp: 216.387.253.000 VND.
+ Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ: 4365/24MN/HĐBĐ ngày 06/02/2024: Khoản phải thu/ Quyền đòi nợ còn lại phát sinh từ việc khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án "Khu nhà ở biệt thự và chung cư tại Phường Thạnh Mỹ Lợi".
+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: 1595/24MN/HĐBĐ ngày 25/01/2024. Giá trị là: 11.853.305.188 VND.
+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: 1593/24MN/HĐBĐ ngày 25/01/2024:
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 201-43; 201-44; 201-66; 201-75 tờ bản đồ số 112 (theo tài liệu năm 2002), Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 75-341 tờ bản đồ số 154, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 182, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 746; 748; 752; 717; 719; 728; 733; 743; 706; 726; 742, tờ bản đồ số 153, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 60 tờ bản đồ số 182;190, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.
+ Toàn bộ quyền phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01/2024/HĐHTKD/HQC-BL ngày 05/01/2024.

Tại ngày 30/06/2025: 130.000.000.000 VND.

b. Hợp đồng số : 5143/24/MN/HĐTD ngày 06/02/2024
Hạn mức vay : 180.000.000.000 VND
Mục đích vay : Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng – Phát triển Nhà Bảo Linh (hoặc được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ).
Thời hạn vay : 24 tháng
Lãi suất vay : 12%/năm
Tài sản đảm bảo : Toàn bộ quyền phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanhsố: 02/2024/HĐH TKDHĐHTKD/HQC-BL ngày 22/01/2024 theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số: 4362/24MN/HĐBĐ ngày 25/01/2024.
+ Hợp đồng thế chấp dự án số: 4367/24MN/HĐBĐ ngày 06/02/2024. Giá trị tài sản thế chấp số: 216.387.253.000 VND
+ Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số: 4365/24MN/HĐBĐ ngày 06/02/2024.

Tại ngày 30/06/2025: 155.000.000.000 VND.

c. Hợp đồng tín dụng số 7080/24/MN/HĐTD ngày 06/02/2024

Hạn mức vay	: 243.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn thực hiện Dự án "Nhà ở xã hội Khu công nghiệp Tân Hương" tại thửa đất số 1356, tờ bản đồ số 01, ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, Tiền Giang. Và/hoặc được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ.
Thời hạn vay	: 48 tháng (4 năm)
Lãi suất vay	: 11%/năm.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án "Nhà ở xã hội KCN Tân Hương" tại thửa đất số 1356, tờ bản đồ số 01, ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, Tiền Giang, theo hợp đồng thế chấp dự án số: 5891/24MN/HĐBĐ ngày 05/03/2024; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 5893/24MN/HĐBĐ ngày 05/03/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số: 5892/24MN/HĐBĐ ngày 06/03/2024. Với tổng giá trị tài sản đảm bảo: 324.035.000.000 VND. - Văn bản cam kết bảo lãnh của Ông Trương Anh Tuấn đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính lần này của bên được cấp tín dụng tại HDBank.

Tại ngày 30/06/2025: 390.083.981.357VND.

4. Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa theo các hợp đồng sau:

a) Số hợp đồng:	:	25366/23MN/HĐTD ngày 29/09/2023 và phụ lục ngày 25/05/2024;
Số tiền vay	:	920.000.000.000 VND;
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn thực hiện Dự án "Chung cư nhà ở xã hội Thành phố Vàng (Golden City)";
Thời hạn vay	:	48 tháng;
Lãi suất vay	:	11,0% - 11,5%/ năm;
Bảo đảm	:	- Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm của dự án "Chung cư nhà ở xã hội Thành phố Vàng (Golden City)" tại Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, Khu phố 2, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh; - Khoản phải thu phát sinh từ việc khai thác, tiêu thụ 224 căn hộ tại Dự án " Chung cư nhà ở xã hội Thành Phố Vàng (Golden City) tại thửa đất số 101, TBD số 14, KP 2, P2, TP Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh đá bán/ đã chuyển nhượng/ đã cho thuê/ đã hoán đổi dưới mọi hình thức tính đến thời điểm sử dụng tín dụng tại HDBank; - Toàn bộ cổ phần (tối thiểu 102 triệu cổ phần) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Phố Vàng.
Tại ngày 30/06/2025	:	854.769.232.417 VND. Trong đó, ngắn hạn đến hạn trả là: 98.733.609.900 VND; nợ dài hạn là: 756.035.622.517 VND.
b) Số hợp đồng:	:	25815/23MN/HĐTD ngày 27/09/2023;
Số tiền vay	:	500.000.000.000 VND;
Mục đích vay	:	Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần TV - TM - DV - Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông;
Thời hạn vay	:	24 tháng;
Lãi suất vay	:	10%/ năm;
Bảo đảm	:	Nợ phải thu góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần TV -TM - DV - Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông;
Tại ngày 30/06/2025	:	423.385.727.622 VND. Trong đó, ngắn hạn đến hạn trả là: 423.385.727.622 VND; nợ dài hạn là: 0 VND.

5.19.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	5.766.000.000.000	(462.203.741.892)	(7.260.000)	6.581.521.895	63.204.785.459	20.074.749.106	5.393.650.054.568
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	10.053.328.420	6.686.341	10.060.014.761
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(84.241.700)	-	(84.241.700)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	196.563.966	(196.563.966)	-	-
Tăng, giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	**5.766.000.000.000**	**(462.203.741.892)**	**(7.260.000)**	**6.778.085.861**	**72.977.308.213**	**20.081.435.447**	**5.403.625.827.629**

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết số vốn góp của các cổ đông như sau:

	30/06/2025			01/01/2025		
	Cổ phiếu	Số tiền VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Số tiền VND	Tỷ lệ
Trương Anh Tuấn	50.000.000	500.000.000.000	8.68%	2.000.000	20.000.000.000	0.347%
Nguyễn Lê Thúy Uyên	25.000.000	250.000.000.000	4,34%	23.000.000	230.000.000.000	3.99%
Đinh Quốc Bảo Lộc	24.750.000	247.500.000.000	4.30%	247.500.000	24.750.000.000	4.29%
Cổ đông khác	476.850.000	4.768.500.000.000	82.68%	526.850.000	5.268.500.000.000	91.37%
	576.600.000	**5.766.000.000.000**	**100%**	**576.600.000**	**5.766.000.000.000**	**100%**

5.20.3 Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	576.600.000	576.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	576.600.000	576.600.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*576.600.000*	*576.600.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(726)	(726)
- *Cổ phiếu phổ thông*	*(726)*	*(726)*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	576.599.274	576.599.274
- *Cổ phiếu phổ thông*	*576.599.274*	*576.599.274*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán bất động sản	21.790.291.399	320.562.577.624
Doanh thu cung cấp dịch vụ	220.789.772	409.090.910
	22.011.081.171	**320.971.668.534**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(32.845.965.843)	(315.938.160.773)
Doanh thu thuần	**(10.834.884.672)**	**5.033.507.761**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản		
- Giá vốn kinh doanh bất động sản trong năm	7.083.824.527	(47.501.975.343)
	7.083.824.527	**(47.501.975.343)**

(*) Xem thêm tại thuyết minh 6.1

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Lãi từ hợp tác đầu tư	28.492.944.185	-
Lãi cho vay	10.233.897	18.045.107.254
Lãi bán hàng trả chậm	277.559.208	340.296.958
	28.780.737.290	**18.385.404.212**

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Chi phí lãi vay	37.164.136.310	35.637.766.502
Chi phí tài chính khác	21.732.562	29.819.566

	37.185.868.872	**1.194.028.503**

6.5 Chi phí bán hàng

	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	361.701.413	613.442.454
Chi phí môi giới, hỗ trợ khách mua dự án	80.422.442	-
Chi phí bán hàng khác	1.150.800.134	580.586.049
	1.592.923.989	**1.194.028.503**

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.239.491.994	1.938.060.454
Chi phí dụng cụ đồ dùng	195.234.286	155.978.074
Chi phí khấu hao TSCĐ	105.627.786	163.689.525
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.162.810.762	21.846.267.481
	3.703.164.828	**24.103.995.534**

6.7 Thu nhập khác

	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Các khoản thu nhập khác	38.684.982.510	22.600.990.930
	38.684.982.510	**22.600.990.930**

6.8 Chi phí khác

	Quý 2/2025 VND	Quý 1/2024 VND
Chi phí khác	855.243.897	19.298.992.689
	855.243.897	**19.298.992.689**

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	4.896.878.646	10.602.922.850
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	4.896.878.646	10.602.922.850
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	CP	576.599.274	576.599.274
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND/CP**	**8**	**18**

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1 Tiền thu từ đi vay

	01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	43.877.824.015	455.450.378.771
	43.877.824.015	**455.450.378.771**

7.2 Tiền chi trả nợ gốc vay

	01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(58.789.427.510)	(17.284.085.096)
	(58.789.427.510)	**(17.284.085.096)**

8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.6.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025:

- Tập đoàn có phát sinh các khoản thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay; và (xem tại thuyết minh – 5.8, 5.20)
- Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác. (xem tại thuyết minh 5.19.2).

iv Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Vào ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 31 tháng 03 năm 2025, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.
Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đối tượng	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Ông Trương Anh Tuấn		
Mượn tiền	20.405.000.000	20.834.000.000

Trả tiền mượn	18.900.000.000	20.323.476.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương		
Trả tiền thuê văn phòng	460.000.000	306.916.916
Thuê văn phòng	1.290.000.000	2.580.000.000
Bà Trương Nguyễn Song Vân		
Mượn tiền	-	-
Trả tiền mượn	-	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.14, 5.15 và 5.18.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Đối tượng	Chức danh	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Ông Nguyễn Thanh Phong	Tổng Giám đốc	203.913.043	192.344.445
Ông Trương Anh Tuấn	Chủ Tịch HĐQT	137.594.776	-
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	29.484.595	-
Ông Lý Quang Minh	Thành viên độc lập	29.484.595	-
Bà Yu Trần Đan Phượng	Trưởng ban kiểm soát	33.696.680	68.355.662
Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên Ban Kiểm Soát	25.272.510	8.943.509
Bùi Thị Uyên Trang	Thành viên Ban Kiểm Soát	25.272.510	-

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các khoản giao dịch nêu tại thuyết minh 6.1. Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Quý 2/2025 VND	Quý 2/2024 VND
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria		
Trả tiền thi công	13.645.893.313	837.988.717
Chi phí thi công	-	5.045.720.122
Phí môi giới sản phẩm DA Trà Vinh	68.200.893	-
Thu lại tiền cho mượn	-	-
Thu tiền từ bán dự án Mỹ Tho	1.304.000.000	167.716.066.290
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân		
Trả tiền thuê xe	2.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương		
Cho mượn tiền	-	1.019.988.300
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc		
Cho mượn tiền	-	689.669.755
Trả tiền thi công	1.090.500.000	95.000.000
Công ty TNHH Tập Đoàn Hoàng Quân		
Mượn tiền	51.881.511.704	43.489.848.528
Cho mượn tiền	-	4.864.234.476
Trả tiền mượn	69.765.499.999	-
Thu lại tiền cho mượn	-	22.358.146.077
Lãi cho vay	1.361.459.017	239.342.466
Chi phí môi giới	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông		

Trả tiền mượn	7.468.000	23.712.000
Doanh thu bán Bất động sản	-	322.697.194.700
Thu tiền dịch vụ	603.212.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ		
Lãi cho vay	-	70.306.849
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà Bình Thuận		
Mượn tiền	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận		
Mượn tiền	-	-
Trả tiền mượn	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Phố Vàng		
Góp vốn đầu tư	-	
Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương Land		
Trả tiền mượn	-	40.000.000
Mượn tiền	-	-
Chi phí môi giới	-	81.429.076
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo		
Cho mượn tiền	-	566.400.967
Thu lại tiền cho mượn	-	-
Trả tiền mượn	-	-
Chi phí thi công	-	2.699.000.000
Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang		
Cho mượn tiền	-	-
Công ty TNHH Quản lý BĐS Victoria Service		
Chi phí thi công, vận hành	-	1.561.040
Thanh toán chi phí thi công, vận hành	-	-
Hoa hồng môi giới	-	-
Thanh toán hoa hồng môi giới	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hoàng Quân Land		
Cho mượn tiền	9.000.000	-
Trả tiền mượn	-	-
Hoa hồng môi giới	1.179.492.462	-
Thanh toán hoa hồng môi giới	637.023.286	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.14, 5.15, 5.18 và 5.19.

M.S.D.N: 0302087938 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN - QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN LONG TRIỀU
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Công ty CP Tư vấn – Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân **Hoang Quan Consulting – Trading – Service Real Estate Corporation** --- Số/No.: 142/2025/CV-HQC V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước *Re: Explanation of profit difference compared to the same period last year*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness** --- *TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025*

Kính gửi/To*: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission

- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty phải giải trình Báo cáo tài chính trong trường hợp: *"Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước"*. Công ty cổ phần TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân (viết tắt là Công ty Hoàng Quân) giải trình như sau:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC, the Company must explain the Financial Statement in the case: "Profit after corporate income tax in the Business Results Report of the published period changes by 10% or more compared to the report of the same period last year". Hoang Quan Real Estate Consulting - Trading - Service Corporation (abbreviated as Hoang Quan Company) explains as follows:

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2025 của Công ty Hoàng Quân, trong đó lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2025 là 4.899.152.512 đồng, lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 là 10.605.251.361 đồng. Như vậy, lợi nhuận quý 2 năm 2025 giảm 53,80 % so với quý 2 năm 2024.

According to the consolidated financial statement for the second quarter of 2025, Hoang Quan Company recorded a profit after tax of VND 4,899,152,512, compared to VND 10,605,251,361 in the same period of 2024. Thus, this represents a decrease of 53.80%, compared to the 2nd quarter of 2024

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm trước là do doanh thu trong kỳ giảm, nguyên nhân do một số khách hàng không có khả năng thanh toán các đợt tiếp theo nên Công ty đồng ý cho thanh lý trả hàng để bán lại cho khách hàng khác với giá cao hơn.

The decrease in profit after corporate income tax in Q2/2025 compared to the same period in 2024 was due to a reduction in revenue. During the period, several customers were unable to fulfill subsequent payment obligations under existing contracts. As a result, the Company agreed to early terminate these contracts and reclaim the products for resale to other customers at higher prices.

Công ty cam kết các nội dung giải trình trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về các nội dung này.

The company commits that the above explanations are true and is fully responsible to shareholders and the law for these contents.

Trân trọng.

Nơi nhận: - *Như trên;* - *VP HĐQT;* - *Lưu VT,*	**TỔNG GIÁM ĐỐC** ***GENERAL DIRECTOR*** M.S.D.N: 0302085... CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN QUẬN 7 - T.P HỒ CHÍ MINH **NGUYỄN LONG TRIỀU**